| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2- SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 80/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 12-5-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lò Mai Xiêng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đặng Xuân Tư, bà Lường Thị Tươi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lường Thị Hằng- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị B**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản P, xã BT, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn: Anh Lò Văn M**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Bản P, xã BT, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Cà Thị B trình bày:**

*Về hôn nhân:* Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận (trước là xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Cà Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn M.

*Về con chung:* Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Lò Thị C, sinh ngày 13/7/2014. Hiện tại cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C đang ở với chị Cà Thị B.

Chị Cà Thị B đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Cà Thị B không yêu cầu anh Lò Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về tài sản riêng:* Không có.

*Về nợ chung:* Chị Cà Thị B cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/01/2026, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Biên đã giao nộp, chị Biên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 29/12/2025 tại Bản P, xã BT, tỉnh Sơn La, chị Cà Thị B và anh Lò Văn M có hộ khẩu thường trú tại Bản P, xã BT, tỉnh Sơn La, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Miên thường xuyên uống rượu chè, không chịu làm ăn. Hiện nay Cà Thị B và anh Lò Văn M đã sống ly thân. Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Lò Thị C, sinh ngày 13/7/2014. Các cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C ở với chị Cà Thị B từ ngày ly thân cho đến nay. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Bị đơn anh Lò Văn M đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La. Anh Lò Văn M không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C đều có nguyện vọng là ở với mẹ.

Chị Cà Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Biên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Cà Thị B được ly hôn anh Lò Văn M.

*Về con chung:* Giao cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Lò Thị C, sinh ngày 13/7/2014 cho chị Cà Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Lò Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Cà Thị B không yêu cầu).

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về tài sản riêng:* Không có.

*Về nợ chung:* Chị Cà Thị B, anh Lò Văn M không có nợ chung.

*Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn chị Cà Thị B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Cà Thị B yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn M có địa chỉ tại Bản P, xã BT, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là

đúng thẩm quyền, nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Cà Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lò Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 08/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận (trước là xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Biên cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn M.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Biên và anh Miên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Cà Thị B được ly hôn anh Lò Văn M. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Lò Thị C, sinh ngày 13/7/2014. Hiện tại cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C đang ở với chị Cà Thị B.

Chị Cà Thị B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C.

Chị Cà Thị B và anh Lò Văn M đều có nơi cư trú rõ ràng. Chị Cà Thị B trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị Cà Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C từ năm 2023 cho đến nay.

Ý kiến cháu Lò Thị Ph và cháu Lò Thị C đều có nguyện vọng là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Lò Thị C, sinh ngày 13/7/2014 cho chị Cà Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Lò Văn M thu nhập bấp bênh, không ổn định. Chị Cà Thị B không yêu cầu anh Lò Văn M phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Do đó anh Lò Văn M không cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Cà Thị B, anh Lò Văn M không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Cà Thị B có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Cà Thị B là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị B.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Cà Thị B đối với anh Lò Văn M.

Xử cho chị Cà Thị B được ly hôn anh Lò Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 21/11/2010 và cháu Lò Thị C, sinh ngày 13/7/2014 cho chị Cà Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Cà Thị B không yêu cầu).

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Cà Thị B, anh Lò Văn M không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị B.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị B, anh Lò Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lò Mai Xiêng**